

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Hà Nội - Tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011, Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
	Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
	Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
	Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
	Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Dương Tất Khiêm ✓
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Số: 490/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, được lập ngày 18/8/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1009-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2326-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		525.804.316.223	512.829.855.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	101.482.470.326	48.794.559.041
1. Tiền	111		101.482.470.326	48.794.559.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	4.500.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		289.037.728.162	298.792.044.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	178.791.133.237	195.694.321.329
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	70.449.059.216	53.272.775.475
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	40.300.756.923	50.328.168.673
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(503.221.214)	(503.221.214)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		130.755.071.067	160.743.252.516
1. Hàng tồn kho	141	5.7	130.755.071.067	160.743.252.516
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.046.668	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.046.668	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		89.301.175.215	134.832.629.298
II. Tài sản cố định	220		5.714.413.056	6.180.473.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	5.714.413.056	6.180.473.310
- Nguyên giá	222		14.074.625.042	13.939.625.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.360.211.986)	(7.759.151.732)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		56.125.758.847	101.488.230.914
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241	5.9	56.125.758.847	101.488.230.914
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	27.306.364.816	27.121.497.480
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.156.000.000	18.156.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.000.000.000	13.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.849.635.184)	(5.034.502.520)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		154.638.496	42.427.594
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	154.638.496	42.427.594
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		615.105.491.438	647.662.485.118

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		446.787.461.383	483.739.981.921
I. Nợ ngắn hạn	310		446.787.461.383	483.739.981.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	83.491.387.208	102.464.012.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	78.039.025.012	79.412.170.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	18.065.019.681	22.512.540.690
4. Phải trả người lao động	314		-	990.666.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.275.548.457	1.721.505.884
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	69.167.907.189	85.987.056.484
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	195.191.352.385	188.740.208.610
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.557.221.451	1.911.821.451
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		168.318.030.055	163.922.503.197
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	168.318.030.055	163.922.503.197
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.037.035.658	31.037.035.658
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.980.577.397	9.585.050.539
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.585.050.539	1.382.493.123
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.395.526.858	8.202.557.416
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		615.105.491.438	647.662.485.118

Người lập biểu



Lê Mạnh Tiên

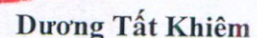
Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1	2	3	VND	VND
			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	278.353.897.392	332.656.502.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		278.353.897.392	332.656.502.577
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	262.845.104.235	316.199.456.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.508.793.157	16.457.046.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	478.662.288	109.105.472
7. Chi phí tài chính	22	5.22	3.006.266.715	4.372.793.235
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.191.134.051</i>	<i>3.927.867.479</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	8.612.436.337	7.705.990.862
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.368.752.393	4.487.367.892
11. Thu nhập khác	31		1.266.538.495	1.772.108.857
12. Chi phí khác	32		44	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	1.266.538.451	1.772.108.857
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.635.290.844	6.259.476.749
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	1.239.763.986	1.377.084.884
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.395.526.858	4.882.391.865
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	440	488

Người lập biểu



Lê Mạnh Tiên

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015


CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		326.894.322.171	469.786.592.034
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(245.848.079.614)	(318.300.530.668)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.591.676.369)	(12.940.737.703)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.668.540.019)	(9.783.837.535)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.045.327.488)	(2.157.227.860)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.249.183.970	50.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.014.194.096)	(31.760.686.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.975.688.555	94.893.571.917
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(135.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		396.078.955	194.105.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		261.078.955	194.105.472
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		149.749.602.420	208.963.313.674
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(143.298.458.645)	(279.663.096.984)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.796.831.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.451.143.775	(73.496.614.340)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		52.687.911.285	21.591.063.049
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.794.559.041	39.528.698.903
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	101.482.470.326	61.119.761.952

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Giám đốc





Lê Mạnh Tiến

Lê Thanh Hải

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011,

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 là 100.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ Đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HUI

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 195 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Xây dựng công trình	51%	51%
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02	Xây dựng công trình	51%	51%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	20%	20%
Công ty đầu tư dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	Kinh doanh xăng dầu		

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
(số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	13.144.524.554	7.761.058.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.337.945.772	41.033.500.883
Tổng	101.482.470.326	48.794.559.041

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	104.785.073.268	122.695.368.163
<i>Công ty CP Xuất Nhập khẩu Bao Bì</i>	<i>13.238.287.719</i>	<i>13.238.287.719</i>
<i>Công ty CP cơ khí xây dựng Đại Mỹ</i>	<i>7.155.915.707</i>	<i>8.155.915.707</i>
<i>BQLDA Cải thiện Vệ sinh Môi trường Nha Trang</i>	<i>-</i>	<i>20.781.564.214</i>
<i>Các khoản phải thu khác của khách hàng</i>	<i>84.390.869.842</i>	<i>80.519.600.523</i>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	74.006.059.969	72.998.953.166
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD</i>	<i>63.177.481.597</i>	<i>60.267.623.944</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND</i>	<i>5.029.252.429</i>	<i>6.432.003.279</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao</i>	<i>4.784.813.053</i>	<i>5.284.813.053</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9</i>	<i>759.614.890</i>	<i>759.614.890</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang</i>	<i>254.898.000</i>	<i>254.898.000</i>
Tổng	178.791.133.237	195.694.321.329

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.056.208.886	5.260.346.143
<i>Công ty Cổ phần Vận tải & DV</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công cộng Bắc Ninh</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Giang Hải</i>	<i>1.565.925.656</i>	<i>2.630.796.086</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại</i>		
<i>và Xây dựng Nam Thiên</i>	<i>2.145.990.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>6.344.293.230</i>	<i>2.629.550.057</i>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	55.392.850.330	48.012.429.332
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101</i>	<i>5.002.733.433</i>	<i>1.680.470.806</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02</i>	<i>50.390.116.897</i>	<i>46.331.958.526</i>
Tổng	<u>70.449.059.216</u>	<u>53.272.775.475</u>

5.5 Phải thu khác

	30/06/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	40.300.756.923		50.328.168.673	
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	2.310.431.731	-	2.310.431.731	-
Phải thu về cổ tức của 2 công ty con	1.672.800.000	-	1.672.800.000	-
Thuế GTGT phải nộp của dự án TT4 Linh Đàm	-	-	12.521.416.151	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động	303.680.890	-	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	227.372.271	-	162.440.366	-
Tạm ứng	33.678.791.855	-	30.528.372.492	-
Phải thu khác	2.107.680.176	-	3.132.707.933	-
<i>Hệ thống thoát nước Nha trang (Tiền lương, công cụ dụng cụ, phí bảo lãnh)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.270.031.456</i>	<i>-</i>
<i>Ban quản lý kè đê biển chắn sóng khu vực phía Bắc</i>	<i>1.368.598.222</i>	<i>-</i>	<i>1.368.598.222</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>739.081.954</i>	<i>-</i>	<i>494.078.255</i>	<i>-</i>
Tổng	<u>40.300.756.923</u>	<u>-</u>	<u>50.328.168.673</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.6 Nợ xấu

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
		có thể thu hồi		có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	503.221.214	503.221.214	503.221.214	503.221.214
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Đá Quý Thế giới				376.978.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy SHINEC				64.166.800
Công ty Cổ phần Sinh học Dược phẩm Ba Đình				62.076.414
Tổng				503.221.214

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	130.755.071.067	-	160.743.252.516	-
Tổng	130.755.071.067	-	160.743.252.516	-

Chi tiết theo công trình

Chi tiết các công trình	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Kè đê biển chắn sóng khu vực phía Bắc	26.272.922.768	25.418.779.787
Phần móng trụ sở tập đoàn HUD Tower	20.803.745.210	20.345.601.108
Nhà ở học sinh, sinh viên A5-A6	18.872.853.590	18.872.853.590
Phần móng, xử lý nền CT7 Mỹ Đình	-	13.078.849.438
Phần thân trụ sở làm việc Tập đoàn HUD	12.858.991.896	10.999.817.188
Khu xử lý chất thải Xuân Sơn giai đoạn 2, Ba Vì, Hà Nội	12.934.374.124	5.341.880.784
Khu dân cư Vĩnh Lộc B gói XL2	7.017.158.293	11.285.136.248
Thoát nước thải, đường hè GD2 KĐTMT Tây Nam Linh Đàm	3.687.906.496	3.361.396.371
Các công trình khác	28.307.118.690	52.038.938.002
Tổng	130.755.071.067	160.743.252.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	4.117.345.021	3.943.019.915	5.488.640.876	390.619.230	13.939.625.042
Tăng trong kỳ	-	135.000.000	-	-	135.000.000
Mua trong kỳ	-	135.000.000	-	-	135.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	<u>4.117.345.021</u>	<u>4.078.019.915</u>	<u>5.488.640.876</u>	<u>390.619.230</u>	<u>14.074.625.042</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	1.876.110.251	2.491.940.359	3.000.481.892	390.619.230	7.759.151.732
Tăng trong kỳ	81.499.440	250.028.410	269.532.404	-	601.060.254
Khấu hao trong kỳ	81.499.440	250.028.410	269.532.404	-	601.060.254
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	<u>1.957.609.691</u>	<u>2.741.968.769</u>	<u>3.270.014.296</u>	<u>390.619.230</u>	<u>8.360.211.986</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	2.241.234.770	1.451.079.556	2.488.158.984	-	6.180.473.310
Tại 30/06/2015	<u>2.159.735.330</u>	<u>1.336.051.146</u>	<u>2.218.626.580</u>	<u>-</u>	<u>5.714.413.056</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 3.354.990.229 VND (tại ngày 31/12/2014: 6.162.575.585 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 với giá trị là 2.921.691.935 VND (tại ngày 31/12/2014: 2.921.691.935 VND).

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	56.125.758.847	56.125.758.847	101.488.230.914	101.488.230.914
Dự án Đầu tư Nhà ở thấp tầng TT4 Linh Đàm	-	-	47.217.825.975	47.217.825.975
Dự án Đầu tư Chánh Mỹ	51.577.366.246	51.577.366.246	49.725.678.338	49.725.678.338
Dự án Đầu tư Nhà liền kề Đông Sơn	3.604.118.499	3.604.118.499	3.604.118.499	3.604.118.499
Các Dự án khác	944.274.102	944.274.102	940.608.102	940.608.102
Tổng	<u>56.125.758.847</u>	<u>56.125.758.847</u>	<u>101.488.230.914</u>	<u>101.488.230.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	42.427.594	337.529.502
Tăng	112.210.902	25.278.000
Giảm trong kỳ	-	354.161.320
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	-	354.161.320
Tại ngày 30 tháng 06	154.638.496	8.646.182
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	154.638.496	42.427.594
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	154.638.496	42.427.594
Tổng	154.638.496	42.427.594

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con	18.156.000.000	13.724.931.842	18.156.000.000	13.724.931.842
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	5.406.000.000	5.406.000.000	5.406.000.000	5.406.000.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02	12.750.000.000	8.318.931.842	12.750.000.000	8.318.931.842
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.000.000.000	581.432.974	1.000.000.000	396.565.638
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	1.000.000.000	581.432.974	1.000.000.000	396.565.638
Đầu tư dài hạn khác	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (*)	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Số 6, Biệt thự 5 bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	51%	51% Xây dựng công trình
2	Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02	Số 1 Lô J Khu dự án 10HA P. Bình Trưng Đông, Q.2 TP HCM	51%	51% Xây dựng công trình

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ động chính
1	Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	CT4, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	20%	Thiết kế, kinh doanh nội thất

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

(*) Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHĐT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp được 13 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	28.531.976.585	28.531.976.585	31.033.687.291	31.033.687.291
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	5.531.519.022	5.531.519.022	5.531.519.022	5.531.519.022
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Anh Chi	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	20.200.457.563	20.200.457.563	25.502.168.269	25.502.168.269
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	54.959.410.623	54.959.410.623	71.430.324.806	71.430.324.806
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	43.570.029.377	43.570.029.377	63.519.532.390	63.519.532.390
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	10.756.052.307	10.756.052.307	5.680.053.879	5.680.053.879
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	633.328.939	633.328.939	1.477.432.937	1.477.432.937
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	-	-	753.305.600	753.305.600
Tổng	83.491.387.208	83.491.387.208	102.464.012.097	102.464.012.097

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	78.039.025.012		79.412.170.705	
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	22.005.539.152		24.002.854.014	
Ban quản lý Dự án Phát triển Công trình đô thị - SXD HN	12.713.099.189		6.493.099.189	
Ban quản lý các Dự án đường thủy nội địa phía Bắc	28.207.293.318		25.862.133.388	
Người mua trả tiền trước khác	15.113.093.353		23.054.084.114	
Tổng	78.039.025.012		79.412.170.705	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
Thuế giá trị gia tăng	21.808.698.462	13.723.691.485	18.349.055.601	17.183.334.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	681.388.929	1.239.763.986	1.045.327.488	875.825.427
Thuế thu nhập cá nhân	18.630.134	84.284.970	97.878.361	5.036.743
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	166.803.800	166.803.800	-
Các loại thuế khác	3.823.165	-	3.000.000	823.165
Tổng	22.512.540.690	15.214.544.241	19.662.065.250	18.065.019.681

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	1.275.548.457	1.721.505.884
- Trích trước chi phí NVL thi công công trình SHB Đà Nẵng giai đoạn I	-	1.200.000.000
- Trích trước chi phí lãi vay	248.464.505	304.317.138
- Trích trước chi phí Dự án Chánh Mỹ	851.428.737	-
- Chi phí phải trả dài hạn khác	175.655.215	217.188.746
Tổng	1.275.548.457	1.721.505.884

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	69.167.907.189	85.987.056.484
- Kinh phí công đoàn	120.666.244	113.464.606
- Bảo hiểm xã hội	-	97.580.554
- Bảo hiểm y tế	-	44.902.948
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	19.956.864
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.047.240.945	85.711.151.512
- <i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>65.555.658.485</i>	<i>82.340.903.629</i>
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>3.491.582.460</i>	<i>3.370.247.883</i>
Tổng	69.167.907.189	85.987.056.484

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	195.191.352.385	195.191.352.385	149.749.602.420	143.298.458.645	188.740.208.610	188.740.208.610
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	195.191.352.385	195.191.352.385	149.749.602.420	143.298.458.645	188.740.208.610	188.740.208.610
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	195.191.352.385	195.191.352.385	149.749.602.420	143.298.458.645	188.740.208.610	188.740.208.610

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng vay sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/135016/HĐTDHM ngày 26/05/2015. Vay tối đa 200 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2016. Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành của lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Tài sản thế chấp gồm:

+ Thế chấp bằng TS của bên vay: Xe Toyota Innova 30X-6803, Xe Toyota Innova 29A-484.36, xe ô tô Toyota Corolla 29A-298.41, xe Toyota Corolla 29A-298.42; xe ô tô Toyota Camry BKS: 29A-582.57, căn trực tháp Zoomlion TCN5013B-6: chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/135016/2014/HĐTC ngày 24/12/14, Số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 4.500.000.000 đ.

+ Thế chấp bằng tài sản bên thứ 3: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ phòng số 612, CT3-1, KĐT Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội; Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn hộ số 20 dãy A, lô số 1, Khu đô thị mới Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 12 (SM14) Ngõ 79 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất địa phương tại Ô A4 Lô BT06, khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, Long Biên, Hà Nội.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung: tài sản gắn liền trên đất tại trụ sở làm việc số 168 Giải Phóng, xe Toyota Innova 2.0 BKS 29Y-1738, Xe Toyota Camry 2.4G-BKS: 29U-1836, Xe Toyota Camry 2.4G- BKS: 29V-0190.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	100.000.000.000	23.300.417.000	23.526.682.370	7.142.724.678	7.750.121.733	161.719.945.781
Tăng trong năm	-	-	-	367.628.610	8.202.557.416	8.570.186.026
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	8.202.557.416	8.202.557.416
Trích lập các quỹ	-	-	-	367.628.610	-	367.628.610
Giảm trong năm	-	-	-	-	6.367.628.610	6.367.628.610
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	367.628.610	367.628.610
Chi cổ tức	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Số dư tại 31/12/2014	100.000.000.000	23.300.417.000	23.526.682.370	7.510.353.288	9.585.050.539	163.922.503.197
Số dư tại 01/01/2015	100.000.000.000	23.300.417.000	23.526.682.370	7.510.353.288	9.585.050.539	163.922.503.197
Tăng trong kỳ	-	-	7.510.353.288	-	4.395.526.858	11.905.880.146
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.395.526.858	4.395.526.858
Điều chỉnh theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	-	7.510.353.288	-	-	7.510.353.288
Giảm trong kỳ	-	-	-	7.510.353.288	-	7.510.353.288
Điều chỉnh theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	-	-	7.510.353.288	-	7.510.353.288
Số dư tại 30/06/2015	100.000.000.000	23.300.417.000	31.037.035.658	-	13.980.577.397	168.318.030.055

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	30/06/2015	Tỷ lệ sở hữu %
		(VND)	
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD	5.100.000	51.000.000.000	51
Cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49
Tổng	10.000.000	100.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu xây lắp	216.046.034.020	195.648.582.167
Doanh thu kinh doanh bất động sản	61.993.897.434	136.835.880.865
Doanh thu khác	313.965.938	172.039.545
Tổng	278.353.897.392	332.656.502.577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn xây lắp	206.157.955.082	186.898.444.617
Giá vốn kinh doanh bất động sản	56.418.183.215	129.129.208.412
Giá vốn khác	268.965.938	171.803.031
Tổng	262.845.104.235	316.199.456.060

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	478.662.288	109.105.472
Tổng	478.662.288	109.105.472

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	3.191.134.051	3.927.867.479
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	-	444.925.756
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(184.867.336)	-
Tổng	3.006.266.715	4.372.793.235

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.092.045.756	5.281.264.411
Chi phí vật liệu quản lý	152.353.885	352.379.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.276.000	139.113.404
Chi phí khấu hao	355.122.754	379.214.316
Thuế, phí, lệ phí	16.040.000	95.537.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.604.209.818	1.202.370.475
Chi phí khác bằng tiền	383.388.124	256.112.226
Tổng	8.612.436.337	7.705.990.862

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.24 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê thiết bị xây dựng	1.266.538.495	1.772.108.857
Tổng	1.266.538.495	1.772.108.857
Chi phí khác		
Chi phí khác	44	-
Tổng	44	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.266.538.451	1.772.108.857

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.239.763.986	1.377.084.884
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng	1.239.763.986	1.377.084.884

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.395.526.858	4.882.391.865
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.395.526.858	4.882.391.865
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	440	488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	110.626.347.740	118.307.117.146
Chi phí nhân công	52.330.049.479	54.027.963.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.060.254	637.388.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.062.464.006	19.834.491.441
Chi phí khác bằng tiền	7.268.292.078	7.723.060.331
Tổng	188.888.213.557	200.530.021.502

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	562.041.157	674.370.205
Tổng		562.041.157	674.370.205

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	63.177.481.597	60.267.623.944
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	5.029.252.429	6.432.003.279
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	759.614.890	759.614.890
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	4.784.813.053	5.284.813.053
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Tiền bán nhà Trả trước cho người bán	- 5.002.733.433	371.377.000 1.680.470.806
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Tiền cổ tức Trả trước cho người bán	270.300.000 50.390.116.897	270.300.000 46.331.958.526
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	254.898.000	254.898.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Tiền hạ tầng	43.570.029.377	63.519.532.390
		Người mua trả tiền trước	22.005.539.152	24.002.854.014
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Phải trả người bán	633.328.939	1.477.432.937
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Phải trả người bán	10.756.052.307	5.680.053.879
Công ty CP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	Thành viên cùng TCT	Phải trả người bán	-	753.305.600

Giao dịch các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Chi phí thi công	10.518.101.709	2.447.926.840

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
			VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	16.622.809.084	58.638.753.636
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Thành viên cùng TCT	Thi công xây dựng	6.220.738.182	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Thành viên cùng TCT	Thi công xây dựng	-	6.798.140.909
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Thu bán nhà	-	5.100.104.271
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Thu tiền điện các dự án	-	51.257.246

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xây lắp, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	5.714.413.056
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Các khoản phải thu	239.819.602.868	49.218.125.294	-	289.037.728.162
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	130.755.071.067	56.125.758.847	-	186.880.829.914
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	133.472.520.306
Tổng tài sản				615.105.491.438
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	180.850.369.926	49.847.949.483	-	230.698.319.409
Phải trả tiền vay	195.191.352.385	-	-	195.191.352.385
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.897.789.589
Tổng nợ phải trả				446.787.461.383

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	216.046.034.020	61.993.897.434	313.965.938	278.353.897.392
Doanh thu	216.046.034.020	61.993.897.434	313.965.938	278.353.897.392
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	187.504.167	3.657.585.894	45.000.000	3.890.090.061
Lãi tiền gửi	-	-	-	478.662.288
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	1.266.538.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.239.763.986)
Lợi nhuận trong kỳ				4.395.526.858

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2015**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định				6.180.473.310
Xây dựng cơ bản dở dang				-
Các khoản phải thu	216.940.862.084	51.322.809.687		268.263.671.771
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	160.743.252.516	101.488.230.914		262.231.483.430
Tài sản không thể phân bổ				110.986.856.607
Tổng tài sản				647.662.485.118
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	197.586.636.183	70.276.603.103		267.863.239.286
Phải trả tiền vay	188.740.208.610			188.740.208.610
Nợ phải trả không thể phân bổ				27.136.534.025
Tổng nợ phải trả				483.739.981.921

*Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	195.648.582.167	136.835.880.865	172.039.545	332.656.502.577
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	-	-	-
Doanh thu	195.648.582.167	136.835.880.865	172.039.545	332.656.502.577
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(158.842.141)	4.536.868.047	236.514	4.378.262.420
Lãi tiền gửi	-	-	-	109.105.472
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	1.772.108.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(378.973.914)	(998.110.970)	-	(1.377.084.884)
Lợi nhuận trong kỳ				4.882.391.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.482.470.326	48.794.559.041
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.091.890.160	246.022.490.002
Đầu tư ngắn hạn	4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn	27.306.364.816	27.121.497.480
Tổng	352.380.725.302	326.438.546.523
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	195.191.352.385	188.740.208.610
Phải trả người bán và phải trả khác	152.659.294.397	188.451.068.581
Chi phí phải trả	1.275.548.457	1.721.505.884
Tổng	349.126.195.239	378.912.783.075

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

30/06/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	195.191.352.385	-	195.191.352.385
Phải trả người bán và phải trả khác	152.659.294.397	-	152.659.294.397
Chi phí phải trả	1.275.548.457	-	1.275.548.457
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	188.740.208.610	-	188.740.208.610
Phải trả người bán và phải trả khác	188.451.068.581	-	188.451.068.581
Chi phí phải trả	1.721.505.884	-	1.721.505.884

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.482.470.326	-	101.482.470.326
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.091.890.160	-	219.091.890.160
Đầu tư ngắn hạn	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn	27.306.364.816	-	27.306.364.816
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.794.559.041	-	48.794.559.041
Phải thu khách hàng và phải thu khác	246.022.490.002	-	246.022.490.002
Đầu tư ngắn hạn	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn	27.121.497.480	-	27.121.497.480

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.4 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 01/01/2015

<u>Khoản mục trên Bảng CĐKT</u>	<u>Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC</u>	<u>Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC</u>	<u>Chênh lệch</u>
<u>Tài sản</u>			
Phải thu ngắn hạn khác	19.799.796.181	50.328.168.673	30.528.372.492
Tài sản ngắn hạn khác	30.528.372.492	-	(30.528.372.492)
Hàng tồn kho	101.488.230.914	-	(101.488.230.914)
Tài sản dở dang dài hạn	-	101.488.230.914	101.488.230.914
<u>Nguồn vốn</u>			
Vay và nợ ngắn hạn	188.740.208.610	-	(188.740.208.610)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	188.740.208.610	188.740.208.610
Quỹ đầu tư phát triển	23.526.682.370	31.037.035.658	7.510.353.288
Quỹ dự phòng tài chính	7.510.353.288	-	(7.510.353.288)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Lê Mạnh Tiến



Lê Thanh Hải



Đương Tất Khiêm